TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
"*V/v Tr/ch hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Hữu Trung

2. Ông: Nguyễn Văn Bẩy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 31/7/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS ngày 25/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số /2019/QĐST-DS ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1940.
Trú tại: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.
Nơi cư trú: tổ 3, khu K, phường T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 10/01/2018, ông có cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, trú tại tổ 3 khu K, phường M, thị xã Đ vay 18.000.000 đồng

với thời hạn trả nợ là 6 tháng kể từ ngày vay. Sau thời gian trên, nếu bà H không trả được thì bà sẽ dùng tiền lương để trả dần. Việc cho vay giữa ông Lân và bà H vay có sự chứng kiến của ông Nguyễn Xuân L, trú tại khu K, phường M, thị xã Đ. Ông Nguyễn Xuân L là người viết nội dung giấy biên nhận vay tiền, ông ký với tư cách là người cho vay, bà H ký tên với tư cách là người vay và ông Nguyễn Xuân L ký tên với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, sau thời gian thỏa thuận, mặc dù ông đã đến nhà bà Hải đòi rất nhiều lần nhưng bà H đều bảo không có tiền trả. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán cho ông số tiền gốc 18.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ 10/7/2018 theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H: Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 45/TB-TLVA, ngày 31/7/2019, nhưng bà H không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều theo nội dung thông báo. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng khác của Tòa án như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng Nguyễn Xuân L trình bày: Ông là người chứng kiến việc ông Nguyễn Văn L cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 18.000.000 đồng vào ngày 10/01/2018. Ông là người viết giấy biên nhận nợ với nội dung: ông Nguyễn Văn L cho bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 3 khu K, phường M, thị xã Đ vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 6 tháng kể từ ngày vay. Sau thời gian trên, nếu bà H không trả được thì bà sẽ dùng tiền lương để trả dần. Sau khi viết xong giấy, người cho vay là ông Nguyễn Văn L, người vay là bà Nguyễn Thị H và người làm chứng là ông đã ký tên bên dưới.

Ngoài ra, ông L còn cho biết thêm, thời gian sau khi vay nợ, bà H có đến nhà con trai ở B ở, nhưng vẫn thường xuyên đi về khu vực M. Cách ngày Tòa án xác minh 5 ngày, ông có gặp bà H ở nhà chị T (là em gái của bà H) ở khu C, phường M. Tại cuộc gặp đó, bà H nói với ông là bà H đã biết nội dung việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện đòi nợ giữa ông L và bà H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của Nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với Bị đơn: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ chối quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự tố tụng nhưng bị đơn Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 18.000.000 đồng đã vay của ông theo theo biên nhận nợ ngày 10/01/2018 và khoản lãi phát sinh từ ngày 10/7/2018. Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, lời khai, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và lời khai của người làm chứng để giải quyết vụ án.

Lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Xuân L, phù hợp với chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp là giấy biên nhận nợ đề ngày 01/01/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn L là người cho vay, bà H là người vay và ông Nguyễn Xuân L là người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/01/2018, ông Nguyễn Văn L có cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, trú tại tổ 3 khu K, phường M, thị xã Đ vay số tiền 18.000.000 đồng với thỏa thuận: trong thời hạn thời hạn 6 tháng kể từ ngày vay, bà Hải phải trả cho ông toàn bộ số nợ gốc. Sau thời gian trên, nếu bà Hải không trả được thì bà sẽ dùng tiền lương để trả dần.

Xét thỏa thuận vay nợ đã ký kết giữa các đương sự là tự nguyện, hợp pháp và không trái đạo đức xã hội vì vậy cần tôn trọng. Tuy nhiên, sau thời gian thỏa thuận, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong thỏa thuận, không trả cho ông L số tiền đã vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông L buộc bà H phải thanh

toán cho ông số tiền gốc 18.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ 10/7/2018 là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

[4]*Về khoản nợ và cách tính lãi phát sinh*: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất; nguyên đơn đề nghị tính lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, tòa án căn cứ vào lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm tháng 7/2018 đến tháng 11/2019 để giải quyết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất quá hạn tính trong trường hợp này là 10%/năm = 0,83%/tháng = 0,027%/ngày. Như vậy, kể từ ngày 10/7/2018 đến đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 số tháng quá hạn là 16 tháng 18 ngày, số tiền nợ lãi là (0,83% x 18.000.000 x 16 tháng) + (0,027 x 18.000.000 x 18 ngày) = 2.490.000; tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 20.490.000 đồng.

[5]*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 357; Điều 463; Khoản 1, 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 20.490.000 đồng (trong đó nợ gốc là 18.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 2.490.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH

Người ký: Phạm Ngọc Bình
Cơ quan: Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân tối cao
Chức vụ: Thẩm phán
Thời gian ký: 21.05.2020 17:13:38 +07:00

Phạm Ngọc Bình